

Bản án số: 429/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thu

2. Bà Trần Thị Kim Đinh

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 662/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 672/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé C, sinh năm 1986.

Thường trú: 245 ấp AK, xã ĐY, huyện LV, tỉnh ĐT.

Tạm trú: Khu dân cư LT, Tổ 6, Ấp A, xã LT, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Tấn H, sinh năm 1984

Thường trú: Ấp CĐ, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Khu dân cư LT, Tổ 6, Ấp A, xã LT, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bé C trình bày:

Bà và ông Lê Tấn H tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2010, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Sau một thời gian dài chung sống đến khoảng năm 2018 cả hai bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do cách sống hai bên không hợp nhau, cuộc sống luôn xảy ra mâu thuẫn, giằng co về mọi mặt, ngoài ra bà cũng không còn sự tin tưởng vào sự chung thủy của ông H do ông H có mối quan hệ không trong sáng với người phụ nữ khác. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng

vẫn không cải thiện được nên từ tháng 6/2022 bà đã mang con đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Trong thời gian đó ông H cũng không có thiện chí tìm gặp để hàn gắn mà chủ yếu gây khó khăn, ảnh hưởng đến cuộc sống của bà và con. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung có 01 trẻ tên Lê Tự Hiếu sinh ngày 04/8/2011, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đ (năm triệu đồng). Tuy nhiên quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà C rút yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà C khai vợ chồng có phần đất diện tích 132,5m² thuộc thửa 244, tờ bản đồ số 42, khu dân cư tái định cư Lộc An-Bình Sơn, xã Lộc An, huyện LT, tỉnh Đồng Nai trị giá khoảng 1.000.000.000 đ. Theo đơn khởi kiện bà C yêu cầu chia đôi phần đất trên, tuy nhiên đến ngày 13/7/2022 bà C rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà C khai không có.

Tại bản tự khai và biên bản ghi nhận ý kiến, bị đơn ông Lê Tấn H trình bày:

Ông H xác nhận quá trình kết hôn, có con chung như bà C trình bày là đúng. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng ông H cho rằng cả hai không có mâu thuẫn gì đến mức trầm trọng phải ly hôn. Ông H xác định ông vẫn yêu thương vợ con, có trách nhiệm quan tâm chăm lo cho gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, nếu Tòa án chấp thuận cho bà C được ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung ông H xác định không có.

* Phát biểu của đại diện Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Về hình thức, qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Việc xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phía bị đơn mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông H đều không có mặt. Sau đó Tòa án thông báo mở phiên tòa xét xử ông H cũng vắng mặt không lý do. Như vậy chứng tỏ ông H chưa thực sự quyết tâm mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà C. Trong thời gian bà C dẫn con đi nơi khác sinh sống ông H cũng không thể hiện rõ thái độ mong muốn gìn giữ tình cảm vợ chồng, chứng tỏ mâu thuẫn của hai bên đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận cho bà C được ly hôn.

Về con chung: Theo các tài liệu do bà C cung cấp, cho thấy từ tháng 6/2022 đến nay bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con, trẻ vẫn phát triển bình thường khỏe mạnh. Do đó việc bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con mà không cần sự cấp dưỡng của ông H là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà C, do nguyên đơn rút đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này và trả lại tạm ứng án phí cho đương sự. Nợ chung hai bên đều xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Lê Thị Bé C yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn H. Do ông H đang cư trú tại huyện Nhà Bè nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà C yêu cầu ly hôn với ông H vì cho rằng tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, bản thân bà xác định không còn tin tưởng vào sự chung thủy của ông H do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặt khác quá trình chung sống ông H không làm tốt vai trò người chồng, người cha, bỏ mặc bà chăm lo mọi thứ cho gia đình.

Phía ông H cho rằng ông vẫn yêu thương vợ con và thực hiện đầy đủ vai trò của mình trong gia đình, ông mong muốn vợ chồng hàn gắn, cùng nhau gìn giữ xây dựng gia đình.

Tuy nhiên trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, khôi phục hạnh phúc vợ chồng nhưng ông H vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không thể tiến hành được.

Căn cứ vào các tài liệu do bà C cung cấp cho thấy từ tháng 6/2022 đến nay bà C đã mang con đi nơi khác sinh sống, phía ông H không có thái độ gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mặc dù ông H có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng thực tế ông không chứng minh được thái độ, quyết tâm xây dựng, khôi phục tình cảm với bà C. Trong thời gian bà C mang con đi nơi khác sinh sống, ông H bỏ mặc không thể hiện sự quan tâm tìm kiếm hoặc có trách nhiệm với vợ con. Sau khi Tòa án không tiến hành hòa giải được và thông báo mở phiên tòa xét xử, ông H cũng vắng mặt không lý do. Từ đó cho thấy thực tế mối quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông H đã đến mức trầm trọng và không thể cải thiện được nên yêu cầu xin ly hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận.

Về vấn đề con chung, hiện nay bà C đang là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con, trẻ vẫn phát triển khỏe mạnh bình thường và có nguyện vọng được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do bà C rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đ bà C phải chịu, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đ theo biên lai số 0037774 ngày

08/6/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Bà C đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả tạm ứng án phí 12.000.000 đ cho bà C theo biên lai số 0037775 ngày 08/6/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 217, Điều 218, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé C đối với ông Lê Tấn H:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê Thị Bé C được ly hôn với ông Lê Tấn H.

- Về con chung: Giao trẻ Lê Tự Hiếu, sinh ngày 04/8/2011 cho bà Lê Thị Bé C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà Lê Thị Bé C không yêu cầu ông Lê Tấn H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Bà C và ông H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C và ông H xác định không có.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị Bé C đối với ông Lê Tấn H về việc chia tài sản chung là phần đất diện tích 132,5m² thuộc thửa 244, tờ bản đồ số 42, khu dân cư tái định cư Lộc An-Bình Sơn, xã Lộc An, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đ bà Lê Thị Bé C phải chịu, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0037774 ngày 08/6/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà C đã nộp đủ án phí. Hoàn trả tạm ứng án phí 12.000.000 đ (mười hai triệu đồng) cho bà Lê Thị Bé C theo biên lai số 0037775 ngày 08/6/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Tấn H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Cơ quan THADS huyện
Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

LÊ THU HIỀN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

